

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 173/BC-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

V/v Báo cáo tình hình việc
làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2023

Kính gửi: Vụ giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-ĐHCNQN ngày 05 tháng 02 năm 2024 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2023. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh báo cáo như sau:

I. Thông tin chung

1. Tổng số tốt nghiệp năm 2023: 144 sinh viên; trình độ đại học: 100%.

2. Đã khảo sát: 144 sinh viên, trong đó:

- Sinh viên tốt nghiệp có phản hồi: 144 đạt 100%
- Sinh viên tốt nghiệp không phản hồi: 0 %
- Hình thức khảo sát: gọi điện thoại trực tiếp, phiếu khảo sát trực tiếp.

II. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Có phụ lục kèm theo)

Được đánh giá trên 3 chỉ tiêu:

- Sinh viên có việc làm đạt tỷ lệ 98,61 %;
- Sinh viên chưa có việc làm tỷ lệ: 1,39%;
- Số sinh viên đang học nâng cao tỷ lệ: 0%.

III. Khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước đạt tỷ lệ: 19,71 %
- Tổ chức tư nhân đạt tỷ lệ: 52,81 %
- Liên doanh với nước ngoài đạt tỷ lệ: 27,46 %
- Tự tạo việc làm đạt tỷ lệ: 0 %

IV. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Từ kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp có thể đánh giá như sau:

- Đa số sinh viên tốt nghiệp đều đã có việc làm.
- Việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong các khu vực: sinh viên làm trong khối tư nhân chiếm phần lớn 52,81%, khối liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ lệ 29,78%; khối nhà nước chiếm tỷ lệ 19,71%.

Tuy nhiên tính ổn định trong việc làm chưa cao; nhiều sinh viên tốt nghiệp có việc làm, kể cả việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo nhưng sau thời gian đã dịch chuyển sang làm việc khác phù hợp với các điều kiện như: Thu nhập cao hơn; khả năng

phát triển lâu dài; điều kiện đi lại, sinh hoạt và các điều kiện khác xuất hiện trong xã hội... Đây là xu hướng trải nghiệm của lao động trẻ, chưa bằng lòng với hiện tại, luôn vươn tới cái mới, muốn thử sức ở lĩnh vực khác.

Trên đây là những thông tin cần thiết để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh định hướng đào tạo trong những năm tới cụ thể là: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và một số thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh rất mong nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Giáo dục và Đào tạo để Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Thăng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023

Trình độ đào tạo: Đại học, Liên thông Đại học
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Phạm Thị Thu Hương

Số điện thoại liên hệ: 0203.3871.731; 0984096725

STT	Mã ngành(*)	Tên ngành	Số SVTN		Số SVPH		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp (%)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan ngành đào tạo				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7520601	Kỹ thuật mỏ	2	0	2	0	2				0	100.00	100.00
2	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	44	0	44	0	28	8	6		2	95.45	95.45
3	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	4	2	4	2	4				0	100.00	100.00
4	7510303	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	20	0	20	0	14	4	2		0	100.00	100.00
5	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3	0	3	0	2	1			0	100.00	100.00
6	7520503	Kỹ thuật trắc địa- bản đồ	5	2	5	2	3	2			0	100.00	100.00
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	13	0	13	0	10	1	2		0	100.00	100.00
8	7340101	Quản trị kinh doanh .	9	4	9	4	6	2	1		0	100.00	100.00
9	7340201	Tài chính ngân hàng	9	6	9	6	6	3			0	100.00	100.00
10	7340301	Kế toán	23	18	23	18	22	1			0	100.00	100.00
11	7480201	Công nghệ thông tin	12	2	12	2	7	5			0	100.00	100.00
		Tổng	144	34	144	34	104	27	11	0	2	98.61	98.61

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 173/BC-ĐHCNQN ngày 19 tháng 12 năm 2024 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10
1	CQ08DH0207	Phí Linh	Ngọc	Nam	27/10/1997	7510301	101321181		PKS	x
2	CQ08DH0020	Đỗ Quốc	Huy	Nam	27/08/1997	7340301	101344243		PKS	x
3	CQ09DH0067	Nguyễn Trung	Đức	Nam	22/01/1998	7510301	022098000077	0383033023	PKS	x
4	CQ09DH0197	Nguyễn Tuấn	Việt	Nam	26/06/1994	7340301	027094000066	0982696285	PKS	x
5	CQ09DH0136	Phạm Minh	Chiến	Nam	16/06/1998	7480201	022098001104	0354066864	PKS	x
6	CQ09DH0080	Phạm Duy	Hùng	Nam	26/04/1996	7340101	22096001118	01228344733	PKS	x
7	CQ10DH0016	Nguyễn Văn	Tài	Nam	28/08/1999	7510301	040099008469	0354715543	PKS	x
8	CQ11DH0137	Đoàn Minh	Quang	Nam	30/08/1999	7510301	022099003784	0398118636	PKS	x
9	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng	Lương	Nam	10/09/1989	7340301	022089001198	0968812550	PKS	x
10	CQ11DH0005	Hoàng Tiên	Sinh	Nam	05/11/2000	7340301	022200006984	0377393703	PKS	x
11	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng	Đạt	Nam	19/02/2000	7340201	022200003156	0336634166	PKS	x
12	CQ11DH0118	Đỗ Duy	Khánh	Nam	03/10/2000	7510201	030200002757		PKS	x
13	CQ12DH0006	Vương Minh	Chiến	Nam	25/10/2001	7510301	022201002953	0335831508	PKS	x
14	CQ12DH0004	Phùng Tiến	Công	Nam	14/12/2001	7510301	022201003828	0334146674	GĐTT	x
15	CQ12DH0001	Nịnh Văn	Hiếu	Nam	03/12/2001	7510301	022201002815	0869397796	GĐTT	x
16	CQ12DH0124	Phạm Đức	Nhật	Nam	14/06/2001	7510301	030201000412	0984349921	PKS	x
17	CQ12DH0114	Lương Khánh	Toan	Nam	22/07/2001	7510301	022201004711	0367408638	GĐTT	x
18	LA12DH0002	Khamphet	Chanthapha	Nam	01/11/2000	7510301	P2771670	0395241595	GĐTT	x
19	LA12DH0004	Anousone	Inteum	Nam	20/08/2000	7510301	P2075988	0793360616	GĐTT	x
20	LA12DH0005	Somsavanh	Keovanxay	Nam	14/05/2001	7510301	P2068295		PKS	x
21	LA12DH0008	Xinnavath	Khamsing	Nam	15/07/2001	7510301	P2396127	0889658066	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
22	LA12DH0031	Khamfeua	Nammavong	Nam	10/11/1992	7510301	P2276747		PKS	x
23	LA12DH0011	Vilaphon	Saryavoud	Nam	07/07/2000	7510301	P2061749	0762301883	PKS	x
24	LA12DH0007	Xeme	Senechonghak	Nam	11/10/2000	7510301	P2522291	079247159	PKS	x
25	LA12DH0010	Thanousack	Vilaxay	Nam	18/11/2000	7510301	PA0415537	0782103927	PKS	x
26	LA12DH0009	Visouk	Xainyadetyar	Nam	15/09/1999	7510301	P2083728	0934398619	PKS	x
27	LA12DH0003	Phonethip	Xayasone	Nam	08/07/1998	7510301	P2075974	0796444667	PKS	x
28	LA12DH0006	Souliya	Xuendavanh	Nam	21/09/2000	7510301	P2075990		PKS	x
29	LA12DH0029	Maisao	Yongsompheng	Nam	04/11/2000	7510301	P2533652	0762311631	PKS	x
30	CQ12DH0019	Nguyễn Việt	Ảnh	Nam	19/05/2001	7510301	022201004567	0788295473	PKS	x
31	CQ12DH0028	Phạm Thành	Công	Nam	05/12/2001	7510301	031201004294		PKS	x
32	CQ12DH0122	Trần Nhật	Công	Nam	04/04/2001	7510301	022201002519	0837346247	PKS	x
33	CQ12DH0152	Lê Văn	Đạt	Nam	09/07/2001	7510301	022201003136	0969865701	PKS	x
34	CQ12DH0025	Vũ Cường	Đồng	Nam	03/10/2001	7510301	022201000560	0327285424	PKS	x
35	CQ12DH0023	Đào Mạc	Đức	Nam	21/08/2001	7510301	022201004810	0367073294	PKS	x
36	CQ12DH0024	Tô Quảng	Đức	Nam	29/04/2000	7510301	022200004760	0389237333	PKS	x
37	CQ12DH0029	Cao Tích	Đức	Nam	05/12/2000	7510301	030200004074		PKS	x
38	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên	Giáp	Nam	11/06/2001	7510301	022201006758	0857270013	PKS	x
39	CQ12DH0132	Phạm Văn	Hải	Nam	10/04/2000	7510301	037200000467	0936619278	PKS	x
40	CQ12DH0022	Vũ Thế	Hậu	Nam	22/03/2001	7510301	022201006041	0763295936	PKS	x
41	CQ12DH0031	Hồ Vũ	Quỳnh	Nam	18/01/2001	7510301	022201000474	0987794071	PKS	x
42	CQ12DH0026	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	15/10/2001	7510301	022201006089		PKS	x
43	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	05/01/2001	7510301	031201008419		PKS	x
44	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành	Đạt	Nam	11/10/2001	7510301	030201002405	0782209869	PKS	x
45	CQ12DH0084	Bùi Ngọc	Thạch	Nam	07/03/2000	7510301	022200006076		PKS	x
46	CQ12DH0117	Đặng Minh	Chiến	Nam	26/12/2001	7510303	022201001094		PKS	x
47	CQ12DH0040	Vũ Mạnh	Cương	Nam	11/10/2001	7510303	022201001262	0335076719	PKS	x
48	CQ12DH0038	Trịnh Đức	Đại	Nam	16/11/2001	7510303	037201000521		PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
49	CQ12DH0143	Lê Duy	Điền	Nam	26/07/2001	7510303	022201006571		PKS	x
50	CQ12DH0041	Hà Ngọc	Hiếu	Nam	08/12/2001	7510303	022201002684		PKS	x
51	CQ12DH0044	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	16/08/2001	7510303	022201000741		PKS	x
52	CQ12DH0052	Đặng Văn	Hiếu	Nam	31/07/2001	7510303	022201003175	0393882620	PKS	x
53	CQ12DH0042	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	21/08/2001	7510303	022201006957		PKS	x
54	CQ12DH0054	Nguyễn Lê	Hoàng	Nam	13/02/2002	7510303	022202002508		PKS	x
55	CQ12DH0057	Vũ Quang	Hưng	Nam	04/10/2001	7510303	022201005592	0359475628	PKS	x
56	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn	Huy	Nam	30/06/2000	7510303	022200003450	0399928116	PKS	x
57	CQ12DH0056	Bùi Xuân	Khánh	Nam	24/07/2001	7510303	030201000100		PKS	x
58	CQ12DH0034	Trương Tuấn	Kiệt	Nam	15/10/2001	7510303	030201000836		PKS	x
59	CQ12DH0048	Phan Văn	Minh	Nam	28/01/1996	7510303	194529677		PKS	x
60	CQ12DH0139	Vũ Văn	Sang	Nam	11/07/2001	7510303	022201005831		PKS	x
61	CQ12DH0050	Nguyễn Đức	Thành	Nam	13/10/2001	7510303	022201006002		PKS	x
62	CQ12DH0053	Phạm Thân	Thương	Nam	21/08/2001	7510303	030201000379	0342133160	GĐTT	x
63	LA12DH0030	Xamthong	Maevankham	Nữ	12/09/1998	7480201	P2084949	0277261721	GĐTT	x
64	LA12DH0012	Vilavanh	Somsouly	Nữ	09/03/2001	7480201	P2522291	0934285336	GĐTT	x
65	CQ12DH0058	Cao Tiến	Đạt	Nam	28/01/2001	7480201	001201013263		PKS	x
66	CQ12DH0098	Phạm Văn	Hiệp	Nam	28/10/2001	7480201	022201002481	0969505201	PKS	x
67	CQ12DH0125	Nguyễn Như Huy	Hoàng	Nam	12/06/2001	7480201	034201009427		PKS	x
68	CQ12DH0145	Nguyễn Thành	Luận	Nam	23/12/2001	7480201	022201004819	0965216813	PKS	x
69	CQ12DH0093	Hoàng Tiêu	Phong	Nam	08/10/2001	7480201	022201005075		PKS	x
70	CQ12DH0119	Vũ Duy	Phong	Nam	18/11/2001	7480201	022201004123	0981613681	PKS	x
71	CQ12DH0097	Đinh Hoàng	Hưng	Nam	13/07/2001	7480201	022201002690	0839294333	PKS	x
72	CQ12DH0094	Đoàn Văn	Khuê	Nam	07/05/1995	7480201	101281744		PKS	x
73	CQ12DH0142	Đỗ Văn	Tài	Nam	12/03/2001	7480201	022201005277	0393165204	PKS	x
74	LA12DH0001	Anousith	Thammalath	Nam	20/03/2000	7510201	P2061205	0796416266	PKS	x
75	CQ12DH0012	Lý Thành	Đạt	Nam	20/07/2001	7510201	022201000704	0704126711	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
76	CQ12DH0017	Đặng Tiến	Đạt	Nam	26/12/2001	7510201	022201001095	0348223640	PKS	x
77	CQ12DH0013	Trần Công	Đức	Nam	04/06/2001	7510201	022201003751	0392123628	GĐTT	x
78	CQ12DH0018	Trần Minh	Đức	Nam	25/07/2001	7510201	022201002723	0333476299	PKS	x
79	CQ12DH0007	Phạm Hoàng	Kiên	Nam	22/07/2001	7510201	022201001388	0707117605	PKS	x
80	CQ12DH0046	Đào Ngọc	Nam	Nam	31/08/2001	7510201	022201004647	0966682380	PKS	x
81	CQ12DH0047	Hoàng Sỹ	Nguyên	Nam	22/08/2001	7510201	022201000876	0832092222	PKS	x
82	CQ12DH0014	Trần Mạnh	Thái	Nam	22/06/2001	7510201	022201004304	0383806256	GĐTT	x
83	CQ12DH0008	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	23/03/2001	7510201	022201004626		PKS	x
84	CQ12DH0009	Cao Thế	Trung	Nam	14/03/2001	7510201	022201005032		PKS	x
85	CQ12DH0011	Bế Minh	Vương	Nam	29/09/2001	7510201	022201002004	0988558302	GĐTT	x
86	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	12/01/2001	7520607	030201002786	0968905201	PKS	x
87	CQ12DH0090	Vũ Ngọc	Huyền	Nữ	27/07/2001	7520607	022301006941	0869229782	PKS	x
88	CQ12DH0089	Dương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	05/01/2001	7520607	022301000929	0857748389	PKS	x
89	LA12DH0028	Tholy	Sybounseng	Nam	18/02/2001	7510102	P2076813	0762320336	GĐTT	x
90	LA12DH0026	Sitthisay	Thongsamai	Nam	17/10/1996	7510102	P2071342	0889659870	GĐTT	x
91	LA12DH0027	Saksada	Xaibounheuang	Nam	29/12/2000	7510102	P2076847	0768608336	GĐTT	x
92	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	09/07/2001	7340301	037301005798		PKS	x
93	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ	Anh	Nữ	30/04/2001	7340301	101354215		PKS	x
94	CQ12DH0065	Hoàng Thị	Ánh	Nữ	05/07/1987	7340301	022187003467		PKS	x
95	CQ12DH0081	Đàm Thị Hương	Giang	Nữ	12/09/2001	7340301	02230100657		PKS	x
96	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	21/02/2001	7340301	022301006365		PKS	x
97	CQ12DH0070	Cao Thị Thu	Hằng	Nữ	22/12/2001	7340301	022301005712		PKS	x
98	CQ12DH0135	Nguyễn Minh	Hòa	Nữ	19/01/2001	7340301	022301002929		PKS	x
99	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	08/06/2001	7340301	022301005980		PKS	x
100	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	Nữ	09/02/2001	7340301	022301000725		PKS	x
101	CQ12DH0066	Kim Phương	Ngân	Nữ	30/12/2001	7340301	022301003459		PKS	x
102	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ	Nhung	Nữ	28/09/2001	7340301	034301005767		PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
103	CQ12DH0069	Phạm Hải	Ninh	Nữ	20/12/2001	7340301	022301003699	0987511628	GĐTT	x
104	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	26/12/2001	7340301	026301002831		PKS	x
105	CQ12DH0063	Đường Hương	Thảo	Nữ	26/06/2001	7340301	022301002454		PKS	x
106	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương	Thảo	Nữ	26/12/2001	7340301	022301006946	0964280545	GĐTT	x
107	CQ12DH0149	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	08/05/2001	7340301	022301001752		PKS	x
108	CQ12DH0076	Lê Thu	Trang	Nữ	17/02/2001	7340301	022301000405		PKS	x
109	CQ12DH0147	Đỗ Quốc	Cường	Nam	05/03/1997	7340101	022097003240	0369691113	GĐTT	x
110	CQ12DH0101	Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	20/06/2000	7340101	022200000896		PKS	x
111	CQ12DH0107	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	28/05/1998	7340101	022098002057		PKS	x
112	CQ12DH0106	Đàm Quang	Rồng	Nam	01/10/2001	7340101	022201003543		PKS	x
113	CQ12DH0104	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	29/08/2000	7340101	031300009656		PKS	x
114	LA12DH0014	Melamith	Phommavong	Nữ	12/01/2001	7340101	P2083740	0564602166	GĐTT	x
115	LA12DH0016	Soudalin	Vilaisack	Nữ	03/11/2000	7340101	PA0354496	0763356913	GĐTT	x
116	LA12DH0015	Namfon	Vongsonephet	Nữ	11/03/2001	7340101	PA0411093	0327081538	GĐTT	x
117	CQ12DH0109	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	15/07/2001	7340201	022301000840	0369460610	GĐTT	x
118	CQ12DH0115	Lê Thị Trang	Nhung	Nữ	31/10/2001	7340201	022301000842	0969584829	GĐTT	x
119	LA12DH0018	Khamita	Chanthasith	Nữ	14/11/2000	7340201	PA0388099	0965653447	GĐTT	x
120	LA12DH0022	Visouda	Keokenchanh	Nữ	24/07/2000	7340201	P2527635	0763355969	GĐTT	x
121	LA12DH0017	Anouvong	Kounlavouth	Nam	16/05/2001	7340201	P1797598	0788300969	PKS	x
122	LA12DH0021	Bounthala	Shaykhamthone	Nam	02/10/2000	7340201	PA0431137	0862545780	PKS	x
123	LA12DH0020	Pavina	Souvanthong	Nữ	22/11/2001	7340201	06-0062448	0859155183	PKS	x
124	LA12DH0019	Minthida	Thilasack	Nữ	12/08/2001	7340201	PA0413663	0788340656	PKS	x
125	LA12DH0024	Aewsy	Ainmethai	Nữ	10/03/2000	7520503	P2084945	0564602257	PKS	x
126	LA12DH0025	Souk	Khammeexay	Nữ	25/09/1999	7520503	P2083736	0349268432	PKS	x
127	CQ12DH0146	Nguyễn Danh	Hùng	Nam	02/05/1986	7520503	022086011534	0935416222	PKS	x
128	CQ12DH0110	Trịnh Đức	Huy	Nam	29/03/2001	7520503	034201007977		PKS	x
129	LTCQ12DH20	Nguyễn Quang	Mạnh	Nam	20/12/1990	7520503	022090013777	0816268656	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
130	LTCQ13DH02	Đào Văn	Chung	Nam	27/04/1990	7510303	033090006492	0369887998	PKS	x
131	LTCQ13DH03	Nguyễn Lê	Giang	Nữ	11/06/1990	7340301	022190004529	0984609666	PKS	x
132	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn	Linh	Nam	05/02/1994	7520601	034094002207		PKS	x
133	LTCQ13DH09	Đỗ Văn	Hải	Nam	01/04/1983	7520601	030083002399		PKS	x
134	CQ11DH0060	Phạm Đức	Quý	Nam	01/01/2000	7510301	022200004654		PKS	x
135	CQ11DH0037	Trần Ngọc	Đức	Nam	03/02/2000	7510301	022200001803	0359913462	PKS	x
136	CQ11DH0110	Trần Đức	Nam	Nam	03/12/2000	7510301	022200005528		PKS	x
137	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc	Quyền	Nam	17/06/2000	7510301	022200001884	0772384254	PKS	x
138	CQ11DH0078	Bùi Đức	Quyết	Nam	20/06/2000	7510301	022200005601	0339815066	GĐTT	x
139	CQ11DH0047	Bùi Thanh	Hợp	Nam	09/02/1999	7510303	036099007164		PKS	x
140	CQ11DH0113	Nguyễn Đình	Đông	Nam	25/05/2000	7520607	024200014881	0904235863	PKS	x
141	LTCQ12DH02	Phạm Văn	Dũng	Nam	24/04/1985	7510301	034085003762	0928838885	PKS	x
142	LTCQ12DH10	Nguyễn Quốc	Trị	Nam	12/09/1992	7510301	142704164		PKS	x
143	CQ12DH0154	Phạm Công	Minh	Nam	04/01/1998	7510303	022098005255	0962411998	GĐTT	x
144	CQ12DH0073	Hoàng Thọ Tùng	Son	Nam	23/02/2001	7340301	022201005976	0789335159	GĐTT	x

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2024



TS. Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2023 PHẢN HỒI

(Kèm theo Báo cáo số:...../73..../BC-ĐHCNQN ngày.../9.. tháng 12 năm 2024 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	CQ08DH0207	Phí Linh Ngọc	27/10/1997	x						x			Quảng Ninh
2	CQ08DH0020	Đỗ Quốc Huy	27/08/1997	x						x			Quảng Ninh
3	CQ09DH0067	Nguyễn Trung Đức	22/01/1998		x							x	Hải Phòng
4	CQ09DH0197	Nguyễn Tuấn Việt	26/06/1994	x						x			Quảng Ninh
5	CQ09DH0136	Phạm Minh Chiến	16/06/1998	x						x			Quảng Ninh
6	CQ09DH0080	Phạm Duy Hùng	26/04/1996		x					x			Quảng Ninh
7	CQ10DH0016	Nguyễn Văn Tài	28/08/1999		x				x				Quảng Ninh
8	CQ11DH0137	Đoàn Minh Quang	30/08/1999	x								x	Quảng Ninh
9	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng Lương	10/09/1989	x					x				Quảng Ninh
10	CQ11DH0005	Hoàng Tiên Sinh	05/11/2000		x							x	Quảng Ninh
11	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng Đạt	19/02/2000	x						x			Quảng Ninh
12	CQ11DH0118	Đỗ Duy Khánh	03/10/2000	x						x			Hải Phòng
13	CQ12DH0006	Vương Minh Chiến	25/10/2001			x				x			Quảng Ninh
14	CQ12DH0004	Phùng Tiến Công	14/12/2001	x						x			Quảng Ninh
15	CQ12DH0001	Nịnh Văn Hiếu	03/12/2001	x						x			Quảng Ninh
16	CQ12DH0124	Phạm Đức Nhật	14/06/2001					x					
17	CQ12DH0114	Lương Khánh Toàn	22/07/2001	x						x			Quảng Ninh
18	LA12DH0002	Khamphet Chanthapha	01/11/2000			x			x				Khác

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm				Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
					Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài
					Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
19	LA12DH0004	Anousone	Inteum	20/08/2000	x						x			Khác
20	LA12DH0005	Somsavanh	Keovanxay	14/05/2001	x								x	Khác
21	LA12DH0008	Xinnavath	Khamsing	15/07/2001		x				x				Khác
22	LA12DH0031	Khamfeua	Nammavong	10/11/1992	x								x	Khác
23	LA12DH0011	Vilaphon	Saryavoud	07/07/2000		x							x	Khác
24	LA12DH0007	Xeme	Senechonghak	11/10/2000	x						x			Khác
25	LA12DH0010	Thanousack	Vilaxay	18/11/2000		x							x	Khác
26	LA12DH0009	Visouk	Xainyadetyar	15/09/1999			x				x			Khác
27	LA12DH0003	Phonethip	Xayasone	08/07/1998			x				x			Khác
28	LA12DH0006	Souliya	Xuendavanh	21/09/2000	x								x	Khác
29	LA12DH0029	Maisao	Yongsompheng	04/11/2000	x						x			Khác
30	CQ12DH0019	Nguyễn Việt	Anh	19/05/2001		x							x	Quảng Ninh
31	CQ12DH0028	Phạm Thành	Công	05/12/2001	x								x	Quảng Ninh
32	CQ12DH0122	Trần Nhật	Công	04/04/2001	x					x				Quảng Ninh
33	CQ12DH0152	Lê Văn	Đạt	09/07/2001	x						x			Quảng Ninh
34	CQ12DH0025	Vũ Cường	Đồng	03/10/2001		x							x	Quảng Ninh
35	CQ12DH0023	Đào Mạc	Đức	21/08/2001	x								x	Quảng Ninh
36	CQ12DH0024	Tô Quảng	Đức	29/04/2000	x								x	Quảng Ninh
37	CQ12DH0029	Cao Tích	Đức	05/12/2000	x								x	Quảng Ninh
38	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên	Giáp	11/06/2001	x								x	Quảng Ninh
39	CQ12DH0132	Phạm Văn	Hải	10/04/2000	x						x			Hải Phòng
40	CQ12DH0022	Vũ Thế	Hậu	22/03/2001					x					
41	CQ12DH0031	Hồ Vũ	Quỳnh	18/01/2001			x				x			Bắc Ninh
42	CQ12DH0026	Nguyễn Quang	Vinh	15/10/2001	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
43	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn Anh	05/01/2001	x								x	Quảng Ninh
44	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành Đạt	11/10/2001	x								x	Hải Dương
45	CQ12DH0084	Bùi Ngọc Thạch	07/03/2000	x								x	Quảng Ninh
46	CQ12DH0117	Đặng Minh Chiến	26/12/2001			x						x	Khác
47	CQ12DH0040	Vũ Mạnh Cương	11/10/2001	x								x	Quảng Ninh
48	CQ12DH0038	Trịnh Đức Đại	16/11/2001		x					x			Quảng Ninh
49	CQ12DH0143	Lê Duy Điền	26/07/2001		x							x	Khác
50	CQ12DH0041	Hà Ngọc Hiếu	08/12/2001	x								x	Bắc Ninh
51	CQ12DH0044	Nguyễn Minh Hiếu	16/08/2001	x								x	Quảng Ninh
52	CQ12DH0052	Đặng Văn Hiếu	31/07/2001	x								x	Quảng Ninh
53	CQ12DH0042	Nguyễn Huy Hoàng	21/08/2001		x							x	Khác
54	CQ12DH0054	Nguyễn Lê Hoàng	13/02/2002		x							x	Khác
55	CQ12DH0057	Vũ Quang Hưng	04/10/2001	x								x	Quảng Ninh
56	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn Huy	30/06/2000	x					x				Quảng Ninh
57	CQ12DH0056	Bùi Xuân Khánh	24/07/2001	x								x	Quảng Ninh
58	CQ12DH0034	Trương Tuấn Kiệt	15/10/2001	x						x			Quảng Ninh
59	CQ12DH0048	Phan Văn Minh	28/01/1996	x						x			Quảng Ninh
60	CQ12DH0139	Vũ Văn Sang	11/07/2001	x								x	Quảng Ninh
61	CQ12DH0050	Nguyễn Đức Thành	13/10/2001	x						x			Quảng Ninh
62	CQ12DH0053	Phạm Thân Thương	21/08/2001	x								x	Quảng Ninh
63	LA12DH0030	Xamthong Maevankham	12/09/1998		x				x				Khác
64	LA12DH0012	Vilavanh Somsouly	09/03/2001		x							x	Khác
65	CQ12DH0058	Cao Tiến Đạt	28/01/2001		x							x	Khác
66	CQ12DH0098	Phạm Văn Hiệp	28/10/2001	x							x		Quảng Ninh

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm				Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
					Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài
					Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
67	CQ12DH0125	Nguyễn Như Huy	Hoàng	12/06/2001		X							X	Khác
68	CQ12DH0145	Nguyễn Thành	Luận	23/12/2001	X							X		Quảng Ninh
69	CQ12DH0093	Hoàng Tiêu	Phong	08/10/2001		X							X	Khác
70	CQ12DH0119	Vũ Duy	Phong	18/11/2001	X							X		Quảng Ninh
71	CQ12DH0097	Đình Hoàng	Hưng	13/07/2001	X							X		Quảng Ninh
72	CQ12DH0094	Đoàn Văn	Khuê	07/05/1995	X							X		Quảng Ninh
73	CQ12DH0142	Đỗ Văn	Tài	12/03/2001	X							X		Quảng Ninh
74	LA12DH0001	Anousith	Thammalath	20/03/2000			X					X		Khác
75	CQ12DH0012	Lý Thành	Đạt	20/07/2001	X							X		Quảng Ninh
76	CQ12DH0017	Đặng Tiến	Đạt	26/12/2001	X							X		Quảng Ninh
77	CQ12DH0013	Trần Công	Đức	04/06/2001	X					X				Quảng Ninh
78	CQ12DH0018	Trần Minh	Đức	25/07/2001	X							X		Quảng Ninh
79	CQ12DH0007	Phạm Hoàng	Kiên	22/07/2001	X							X		Quảng Ninh
80	CQ12DH0046	Đào Ngọc	Nam	31/08/2001		X				X				Quảng Ninh
81	CQ12DH0047	Hoàng Sỹ	Nguyên	22/08/2001	X								X	Quảng Ninh
82	CQ12DH0014	Trần Mạnh	Thái	22/06/2001	X							X		Quảng Ninh
83	CQ12DH0008	Nguyễn Văn	Tiến	23/03/2001			X			X				Quảng Ninh
84	CQ12DH0009	Cao Thế	Trung	14/03/2001	X							X		Quảng Ninh
85	CQ12DH0011	Bê Minh	Vương	29/09/2001	X							X		Quảng Ninh
86	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến	Đạt	12/01/2001	X					X				Quảng Ninh
87	CQ12DH0090	Vũ Ngọc	Huyền	27/07/2001	X					X				Quảng Ninh
88	CQ12DH0089	Dương Thị Hồng	Ngọc	05/01/2001	X					X				Quảng Ninh
89	LA12DH0028	Tholy	Sybounseng	18/02/2001	X							X		Khác
90	LA12DH0026	Sitthisay	Thongsamai	17/10/1996		X						X		Khác

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm				Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
					Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài
					Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
91	LA12DH0027	Saksada	Xaibounheuang	29/12/2000	x								x	Khác
92	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc	Anh	09/07/2001	x						x			Quảng Ninh
93	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ	Anh	30/04/2001	x						x			Quảng Ninh
94	CQ12DH0065	Hoàng Thị	Ánh	05/07/1987	x					x				Quảng Ninh
95	CQ12DH0081	Đàm Thị Hương	Giang	12/09/2001	x						x			Quảng Ninh
96	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu	Hà	21/02/2001	x						x			Quảng Ninh
97	CQ12DH0070	Cao Thị Thu	Hằng	22/12/2001	x					x				Quảng Ninh
98	CQ12DH0135	Nguyễn Minh	Hòa	19/01/2001	x						x			Quảng Ninh
99	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu	Huyền	08/06/2001	x						x			Quảng Ninh
100	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	09/02/2001	x						x			Quảng Ninh
101	CQ12DH0066	Kim Phương	Ngân	30/12/2001	x					x				Quảng Ninh
102	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ	Nhung	28/09/2001	x						x			Quảng Ninh
103	CQ12DH0069	Phạm Hải	Ninh	20/12/2001	x						x			Quảng Ninh
104	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh	Tâm	26/12/2001	x						x			Bắc Ninh
105	CQ12DH0063	Đường Hương	Thảo	26/06/2001	x						x			Hải Dương
106	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương	Thảo	26/12/2001	x						x			Hải Dương
107	CQ12DH0149	Lê Thị Phương	Thảo	08/05/2001	x						x			Quảng Ninh
108	CQ12DH0076	Lê Thu	Trang	17/02/2001	x						x			Quảng Ninh
109	CQ12DH0147	Đỗ Quốc	Cường	05/03/1997	x								x	Hải Phòng
110	CQ12DH0101	Nguyễn Xuân	Hiếu	20/06/2000	x						x			Quảng Ninh
111	CQ12DH0107	Nguyễn Văn	Nghĩa	28/05/1998	x						x			Quảng Ninh
112	CQ12DH0106	Đàm Quang	Rồng	01/10/2001	x						x			Quảng Ninh
113	CQ12DH0104	Nguyễn Thanh	Thùy	29/08/2000	x						x			Quảng Ninh
114	LA12DH0014	Melamith	Phommavong	12/01/2001		x							x	Khác

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm				Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
					Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài
					Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
115	LA12DH0016	Soudalin	Vilaisack	03/11/2000	x					x				Khác
116	LA12DH0015	Namfon	Vongsonephet	11/03/2001			x				x			Khác
117	CQ12DH0109	Phạm Thị Thu	Hà	15/07/2001	x						x			Quảng Ninh
118	CQ12DH0115	Lê Thị Trang	Nhung	31/10/2001	x						x			Quảng Ninh
119	LA12DH0018	Khamita	Chanthasith	14/11/2000	x						x			Khác
120	LA12DH0022	Visouda	Keokenchanh	24/07/2000		x					x			Khác
121	LA12DH0017	Anouvong	Kounlavouth	16/05/2001		x							x	Khác
122	LA12DH0021	Bounthala	Shaykhamthone	02/10/2000	x						x			Khác
123	LA12DH0020	Pavina	Souvanthong	22/11/2001		x					x			Khác
124	LA12DH0019	Minthida	Thilasack	12/08/2001	x						x			Khác
125	LA12DH0024	Aewsy	Ainmethai	10/03/2000		x					x			Khác
126	LA12DH0025	Souk	Khammeexay	25/09/1999		x					x			Khác
127	CQ12DH0146	Nguyễn Danh	Hùng	02/05/1986	x					x				Quảng Ninh
128	CQ12DH0110	Trịnh Đức	Huy	29/03/2001	x					x				Quảng Ninh
129	LTCQ12DH20	Nguyễn Quang	Mạnh	20/12/1990	x						x			Quảng Ninh
130	LTCQ13DH02	Đào Văn	Chung	27/04/1990	x					x				Quảng Ninh
131	LTCQ13DH03	Nguyễn Lê	Giang	11/06/1990	x					x				Quảng Ninh
132	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn	Linh	05/02/1994	x					x				Quảng Ninh
133	LTCQ13DH09	Đỗ Văn	Hải	01/04/1983	x					x				Quảng Ninh
134	CQ11DH0060	Phạm Đức	Quý	01/01/2000	x						x			Quảng Ninh
135	CQ11DH0037	Trần Ngọc	Đức	03/02/2000		x				x				Quảng Ninh
136	CQ11DH0110	Trần Đức	Nam	03/12/2000	x						x			Quảng Ninh
137	CQ11DH0102	Nguyễn Ngọc	Quyền	17/06/2000			x				x			Quảng Ninh
138	CQ11DH0078	Bùi Đức	Quyết	20/06/2000	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm				Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
139	CQ11DH0047	Bùi Thanh Hợp	09/02/1999	x						x			Quảng Ninh
140	CQ11DH0113	Nguyễn Đình Đông	25/05/2000	x						x			Quảng Ninh
141	LTCQ12DH02	Phạm Văn Dũng	24/04/1985	x					x				Quảng Ninh
142	LTCQ12DH10	Nguyễn Quốc Trị	12/09/1992	x						x			Quảng Ninh
143	CQ12DH0154	Phạm Công Minh	04/01/1998			x			x				Quảng Ninh
144	CQ12DH0073	Hoàng Thọ Tùng Sơn	23/02/2001	x						x			Quảng Ninh

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Hùng Cường